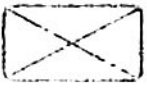
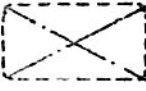

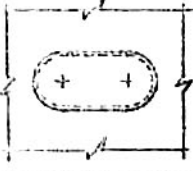
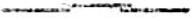

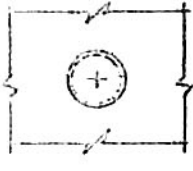


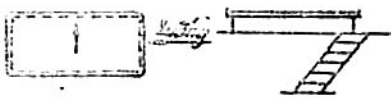
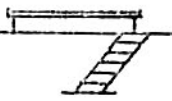
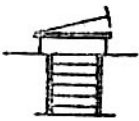

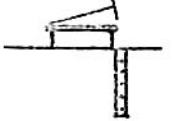



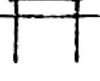


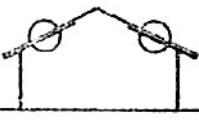

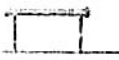
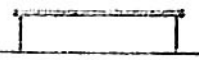

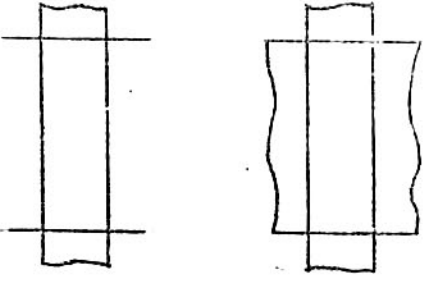

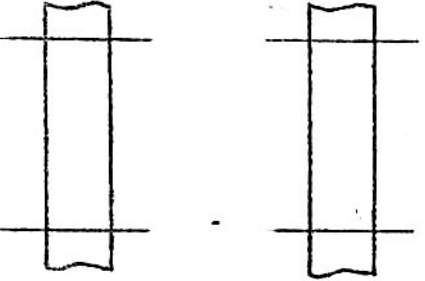
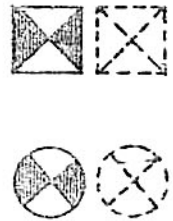
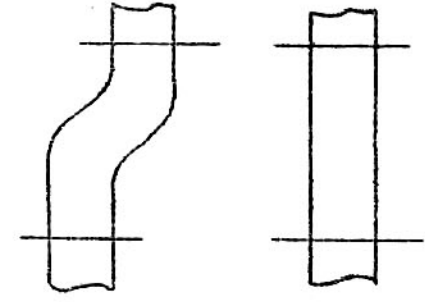
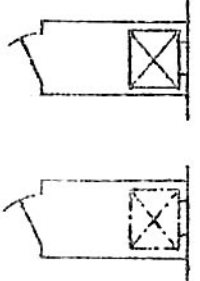
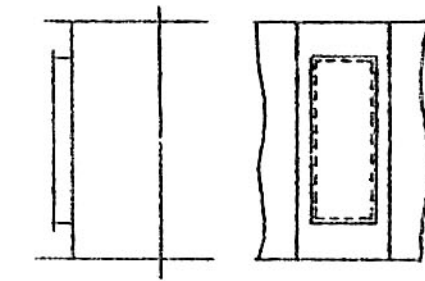


VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA TỔNG CỤC THỦY SẢN	BẢN VẼ TÀU CÁ KÝ HIỆU QUY ƯỚC CHO TRANG THIẾT BỊ	58 TCN 58-1977 NHÓM A
---	--	--------------------------


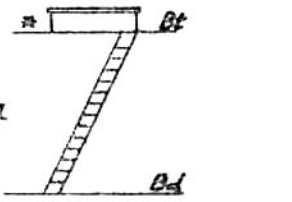
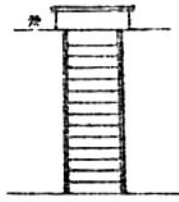

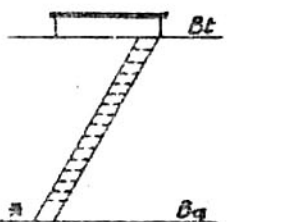
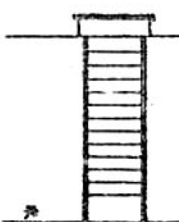

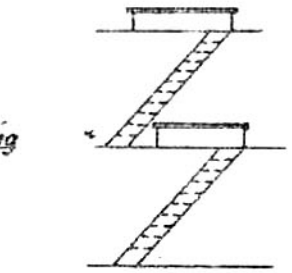
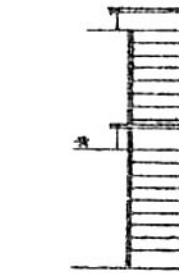
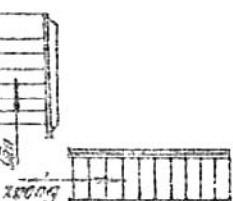
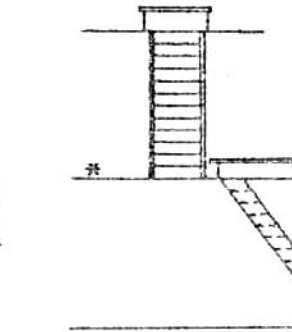

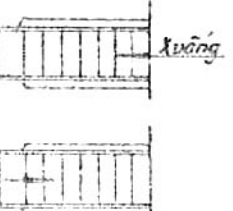
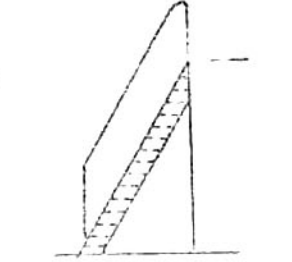

1. Tiêu chuẩn này quy định ký hiệu quy ước cho các trang thiết bị trên bản vẽ tàu cá trong ngành thủy sản.
2. Tên gọi, cách vẽ đơn giản quy ước cho các trang thiết bị trên bản vẽ tàu cá quy định trong bảng sau.


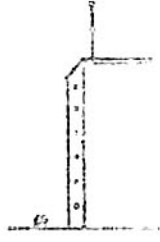


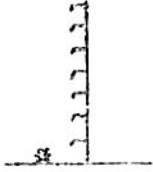


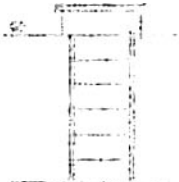







I. LỖ KHOẾT, MIỆNG

Loại	Vẽ đơn giản			Ghi chú
	Mặt bằng	Mặt bên	Mặt ngang	
Lỗ khoét ở cả mặt bằng và mặt đứng (lỗ khoét) a, b	Tại mặt bằng 	Dưới mặt bằng 	Trên mặt bằng 	Kích thước biểu diễn theo tỷ lệ bản vẽ
Lỗ khoét ở mặt đứng và mặt bằng (lỗ khoét)				như trên
Lỗ khoét ở mặt đứng				như trên
Lỗ khoét ở mặt đứng và mặt bằng (lỗ khoét)				như trên (Mũi tên chỉ hướng mở nắp)
Lỗ khoét ở mặt đứng và mặt bằng (lỗ khoét)				như trên
Lỗ khoét ở mặt đứng và mặt bằng (lỗ khoét)				như trên
Lỗ khoét ở mặt đứng và mặt bằng (lỗ khoét)				như trên
Lỗ khoét ở mặt đứng và mặt bằng (lỗ khoét)				như trên



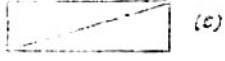
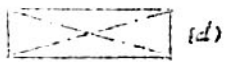
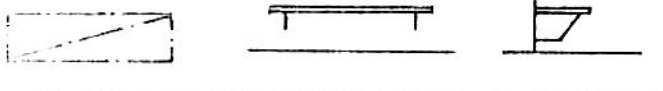
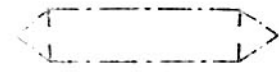
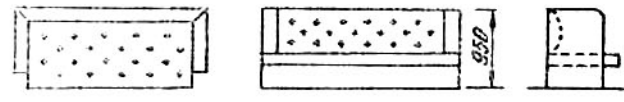

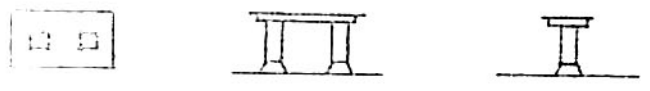
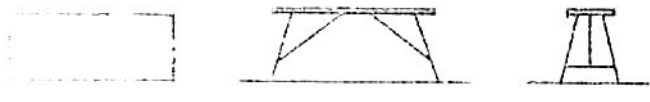
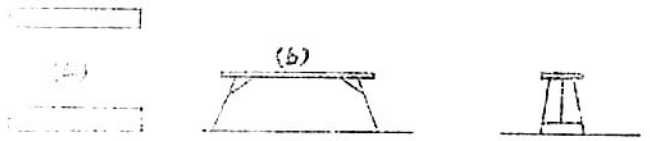
Tên gọi	Vẽ đơn giản		Ghi chú
<p>1.6. Ống</p> <p>1.6.a. Lên xuống</p>			<p>Kích thước tiêu diện theo tỷ lệ bản vẽ</p>
<p>1.6.b Thông gió</p>			<p>như trên</p>
<p>1.6.c Thông gió cong</p>			<p>như trên</p>
<p>1.7. Lên xuống có cửa</p>			<p>như trên</p>








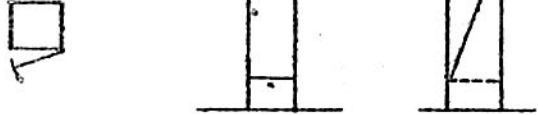
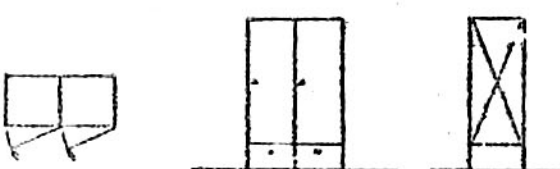
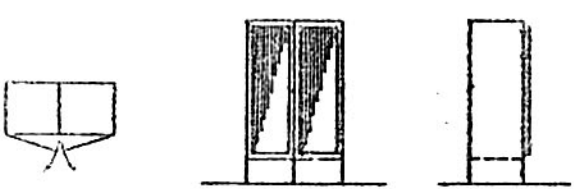
2. CẦU THANG








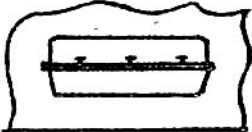




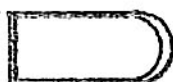
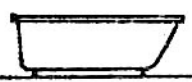

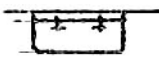


Tên gọi	Vẽ đơn giản		
2.1. Thang nghiêng 2.1.a. Xuống			
2.1.b. Lên			
1. Thang lên ở phía trên thang xuống			
2. Lên và xuống			
3. Phụ ngoài			

Tên gọi	Vẽ đơn giản		
<p>2.2. Thang đứng</p> <p>2.2.a. Phía ngoài</p>			
<p>2.2.b. Thang ngược</p>			
<p>2.2.c. Xương phía trong</p>			
<p>2.2.d. Lên phía trong</p>			
<p>2.3. cửa xương cần thang</p>			

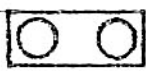
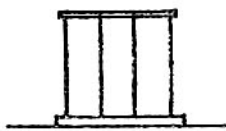
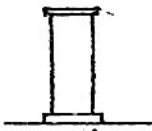
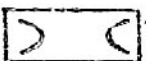


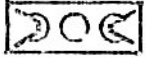
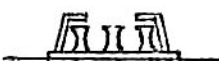

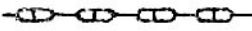
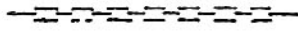
3. THIẾT BỊ KHOANG Ồ


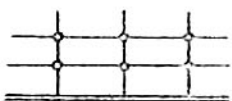




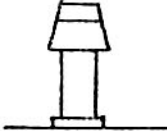





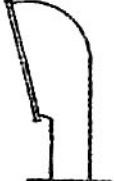


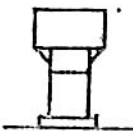
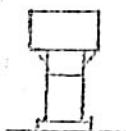
Tên gọi	Vẽ đơn giản	Ví dụ Kích thước mặt (L x B x H)
Bàn ăn Bàn ăn bằng gỗ 1 tầng		2200 x 700 x 500 (1900 x 700 x 500)
Bàn ăn bằng gỗ 2 tầng		
Bàn ăn bằng gỗ 1 tầng	 (c)	1800 x 650 x 450 (1850 x 550 x 390)
Bàn ăn bằng gỗ 2 tầng	 (d)	
Bàn ăn bằng gỗ 1 tầng		1850 x 650 x 450
Bàn ăn bằng gỗ 1 tầng		1800 x 600 x 400
Bàn ăn bằng gỗ 1 tầng		2000 x 750 x 500 x 950
Bàn ăn bằng gỗ 1 tầng		1000 x 650 x 760
Bàn ăn bằng gỗ 1 tầng		2400 x 1000 x 900
Bàn ăn bằng gỗ 1 tầng		1300 x 680 x 760 2400 x 680 x 760 (1500 x 2500) x 550 x 760
Bàn ăn bằng gỗ 1 tầng	 (b)	(1500 x 7500) x 250 x 450 (1500 x 2500) x 250 x 450

Tên gọi	Vẽ đơn giản			
3.4.C. Ghế băng nhà tắm				... 250 ... 300
3.4.d. Ghế xếp cứng				345 - 410 x 410 x 500
3.4.E. Ghế rời				400 x 400 x 300
3.4.g. Ghế đầu				300 x 300 x 450
3.4.h. Ghế đầu rời				400 x 400 x 400
3.4.i. Ghế bành xoay (quay)				400 x 400 x 600
3.4.k. Ghế bành mềm				500 x 400 x 400 x 500 (500 x 550 x 400 x 500)
3.5. Tủ				
3.5.a. Tủ đựng áo quần 1 người				
3.5.b. Tủ đựng áo quần 2 người				
3.5.c. Tủ đựng áo quần có kính				

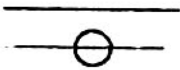
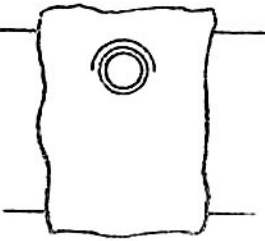
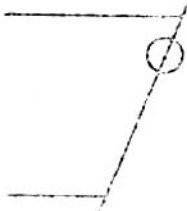

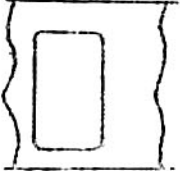

Tên gọi	Vẽ đơn giản		
3.6. Trang bị sinh hoạt 3.6.a. Chậu rửa			
3.6.b. Chậu rửa cơ sở			
3.6.c. Chậu rửa lắp thế			
3.6.d. Vòi rửa			
3.6.e. Chậu tắm			
3.6.f. Tủ chôn dưới sàn nóng lạnh			

4. THIẾT BỊ CƠ SẴN

4.1. Bật thông đứng			
4.2. Sổ ma			
4.3. Sổ ma có con lăn			
4.4. Xích			

Tên gọi	Vẽ đơn giản		
4.5. Rào bảo hiểm			
4.6. Lưới chắn			
4.7. Lỗ thoát nước			
4.8. Thông gió 4.8.a.Hình nấm			
4.8.b.Hình loa			
4.8.c.Hình mặt khí			
4.8.d.Kính nước			

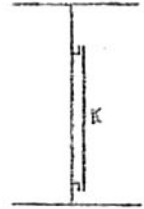
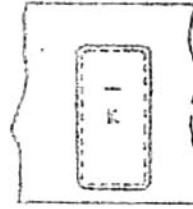
5. CỬA SỔ MẠN TẤU , CỬA RA VÀO

5.1. Cửa sổ tròn mạn tấu.			
5.2. Lỗ khoét ở vách			

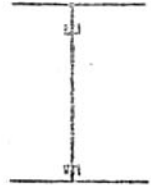
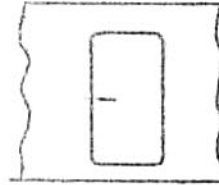
Loại cửa

Vẽ đơn giản

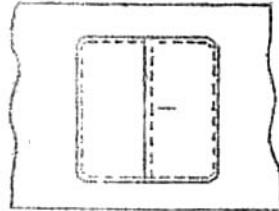
Loại cửa
cửa gỗ
cửa nhôm
cửa kính
cửa sắt
cửa thép
cửa inox
cửa nhôm kính
cửa nhôm sắt
cửa nhôm inox



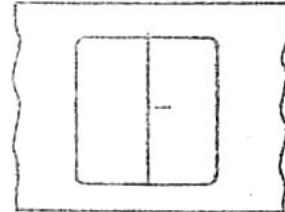
Loại cửa
cửa gỗ
cửa nhôm



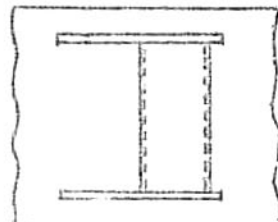
Loại cửa
cửa gỗ
cửa nhôm



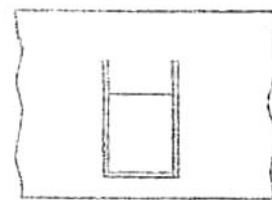
Loại cửa
cửa gỗ
cửa nhôm

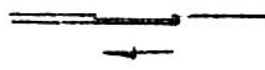
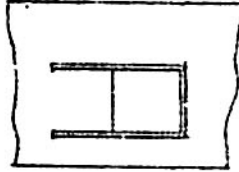

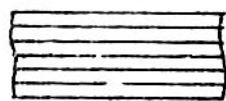


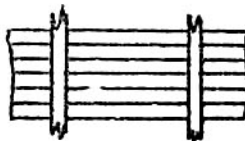






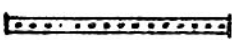

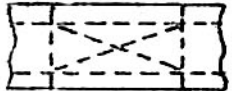


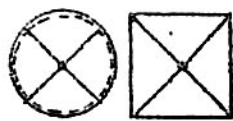


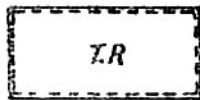
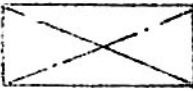



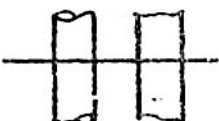



Loại cửa



Loại cửa



Tên gọi	Vẽ đơn giản		
5.3.b. Cửa lùa mở ngang			
5.4. Sàn 5.4.a. Bô			
5.4.b. Bô có thanh ngang			
5.4.c. Sàn khoang máy			
5.4.d. Chân song			
5.5. Các kết 5.5.a. Cố định			
5.5.b. Rời			
5.6. Yãm rời			
5.7. Thoát khói			
5.8. Loại ống khói (không phải thông gió)			

Tên gọi	Vẽ đơn giản
3.9. Bảng điện	
3.10. Bảng điện chính	